

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

HÀ NỘI – 2018

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

- [1] *Bình đẳng giới: nhận thức và thực hành trong chăm sóc trẻ*; Tạp chí nghiên cứu Phụ nữ, Số 3, 2004, Tr 27-34.
- [2] *Vai trò của Phụ nữ trong phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em*; Tạp chí Dân số và Phát triển, Số 7, 2005, Tr 26-29.
- [3] *Một số yếu tố tác động đến tỷ lệ nữ trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XII*; Tạp chí nghiên cứu Gia đình và Giới, Số 2, 2009, Tr 38-47.
- [4] *Việc làm và vấn đề đào tạo nghề của lao động nữ nông thôn*; Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, Số 4, 2009, Tr 75-85.
- [5] *Vai trò của chính quyền xã đối với quản lý phát triển xã hội*; Tạp chí Tổ chức Nhà nước, số 10, 2015, Tr 16-19.
- [6] *Phát triển nguồn nhân lực nữ ở nước ta trong giai đoạn 2015-2020: Cơ hội và thách thức*; Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Nội vụ, Số 9, 2015, Tr 31-35.
- [7] *Nguồn nhân lực thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*; Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2005 (Đồng tác giả).
- [8] *Ban hành và áp dụng chỉ tiêu về Giới của một số quốc gia trên thế giới: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*; Tạp chí Tổ chức Nhà nước, số 4, 2016, Tr 74-77.
- [9] *Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công ở nước ta hiện nay*; Nhà xuất bản Lao động, 2016 (Đồng tác giả).
- [10] *Từ « Phụ nữ trong phát triển » đến « Giới và phát triển » với vấn đề phụ nữ tham gia chính trị ở Việt Nam*; Tạp chí Cộng sản điện tử (<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi.aspx>)
- [11] *Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trung Quốc*; Tạp chí Tổ chức Nhà nước, số 9, 2017, Tr 74-78.
- [12] *Phụ nữ tham gia hệ thống chính trị cấp cơ sở tỉnh Nam Định: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra*; Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Nội vụ, Số 21, 2017, Tr 70-76.
- [13] *Lý thuyết trao đổi xã hội của George C. Homans và một số gợi mở đối với công tác đánh giá cán bộ, công chức ở Việt Nam*; Tạp chí Tổ chức Nhà nước, Số 2, 2018, Tr 75-79.

về

PHKHOA HỌC **N**Ữ

JOURNAL OF WOMEN'S STUDIES

SỐ 3

- Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới
- Thực trạng gia đình Việt Nam hiện nay
- Bình đẳng giới trong chăm sóc trẻ
- Về chuẩn mực người phụ nữ mới thời hiện đại

VIỆN GIA ĐÌNH VÀ GIỚI
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

SỐ 3 (64)
NĂM 2004

TẠP CHÍ CỦA VIỆN GIA ĐÌNH VÀ GIỚI

Ra 2 tháng một kỳ

Tổng biên tập: TS. Trần Thị Vân Anh
Toà soạn, trị sự: Số 6, Đình Công Tráng, Hà Nội
Điện thoại: 9.331.743; 9.331.735
Fax: (84-4) 9.332 890
Email: khoa hoc phuu@hn.vnn.vn

MỤC LỤC

▪ **VẤN ĐỀ CHUNG**

- 3 Hà Thị Khiết: Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới (Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII)

▪ **GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM**

- 14 Lê Ngọc Văn: Một vài nét về thực trạng gia đình Việt Nam hiện nay
21 Nguyễn Đức Mạnh: Gia đình và chăm sóc giáo dục trẻ em tuổi mầm non trong gia đình hiện nay
27 Nguyễn Thị Phương: Bình đẳng giới: Nhận thức và thực hành trong chăm sóc trẻ
35 Ngô Thị Ngọc Anh, Hoàng Thị Tây Ninh: Phòng ngừa hành vi sai lệch ở vị thành niên nhìn từ góc độ giáo dục gia đình

▪ **PHỤ NỮ VÀ VĂN HÓA**

- 41 Lê Thị: Về chuẩn mực người phụ nữ mới thời hiện đại
47 Đặng Thị Vân Chi: Ảnh hưởng của văn hóa Đông - Tây đối với địa vị của phụ nữ Việt Nam trong lịch sử

▪ **THÔNG TIN**

- 56 Nguyễn Thị Mai Hoa (tổng hợp): Kinh nghiệm của Thụy Điển trong cuộc đấu tranh vì bình đẳng giới
58 Dương Thị Duyên (lược thuật): Những nỗi khổ của phụ nữ I-rắc ngày nay
60 Nguyễn Đức Tuyển: Thời hậu chiến I-rắc: Tỷ lệ tử vong của bà mẹ tăng gấp ba lần

▪ **HỘI NGHỊ - HỘI THẢO**

- 61 Phạm Ngọc Anh: Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương Đảng
62 Ngô Thị Ngọc Anh: Diễn đàn Về Gia đình cấp Bộ trưởng khu vực Đông Á lần thứ nhất
63 Bùi Thị Hương Trâm: Nghiệm thu đề tài cấp bộ "Thực trạng thi hành pháp luật Lao động đối với lao động nữ trong các doanh nghiệp ngoài doanh nghiệp nhà nước"
64 P.V: Hội thảo "Biên tập và phổ biến tri thức về bình đẳng giới"

▪ **TÓM TẮT TIẾNG ANH**

BÌNH ĐẲNG GIỚI: NHẬN THỨC VÀ THỰC HÀNH TRONG CHĂM SÓC TRẺ

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG*

Năm 2002, Ban Nghiên cứu Hội LHPN Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng, Đại học Y Hà Nội và UNICEF Hà Nội đã phối hợp tiến hành nghiên cứu “Kiến thức, thái độ, thực hành về phát triển trẻ thơ của người chăm sóc trẻ”. Nghiên cứu được tiến hành nhằm tìm hiểu kiến thức, niềm tin và thực hành liên quan đến thực tế nuôi dạy trẻ của những người có liên quan trên 4 chủ đề chính: (i) Giai đoạn sống còn, (ii) Mối quan hệ nuôi dưỡng, (iii) Bình đẳng và hoà nhập, (iv) Trẻ học và phát triển.

Các kết quả của nghiên cứu đã góp phần đưa ra thực trạng về kiến thức- thái độ - thực hành và niềm tin về phát triển toàn diện trẻ thơ của người chăm sóc trẻ ở Việt Nam, làm cơ sở cho việc xây dựng các tài liệu truyền thông và các hoạt động hỗ trợ nâng cao kiến thức phát triển toàn diện trẻ thơ cho các bậc cha mẹ, người chăm sóc trẻ và cả cộng đồng.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ xin được giới thiệu tóm tắt một phần kết quả nghiên cứu có liên quan đến nhận thức và thực hành của những người nuôi dạy trẻ đối với vấn đề bình đẳng giới.

*Ban Nghiên cứu, TƯ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

I. PHƯƠNG PHÁP, CÁCH CHỌN MẪU VÀ KHÁI NIỆM CÔNG CỤ

1.1. Phương pháp nghiên cứu

Cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng được kết hợp áp dụng trong nghiên cứu này.

Phương pháp nghiên cứu định tính: Được sử dụng với mục đích khai thác và tìm hiểu tốt nhất các quan điểm, thái độ/niềm tin, kiến thức và thực hành của những người liên quan trực tiếp đến nuôi dạy trẻ trong gia đình như: cha/mẹ, ông/bà, anh/chị lớn và những người nuôi dạy trẻ chuyên nghiệp tại địa phương (các cô nuôi dạy trẻ gồm cả tư nhân và nhà nước). Phương pháp này bao gồm:

- Phỏng vấn bán cấu trúc đối với cha/mẹ, ông/bà, các trẻ lớn và các cô nuôi dạy trẻ về quan điểm, kiến thức, thực hành và đặc điểm một số phong tục tập quán nuôi dạy trẻ kể cả các trò chơi dân gian tại địa phương.

- Phỏng vấn sâu đối với một số trường hợp được lựa chọn sau phỏng vấn bán cấu trúc để có được những thông tin về những điển hình tốt về nuôi dạy trẻ tại địa phương.

Phương pháp nghiên cứu định lượng: Phỏng vấn theo bảng hỏi dành cho các đối tượng cha/mẹ, ông/bà và các cô nuôi

dạy trẻ nhằm tìm hiểu tình hình cung cấp các nguồn thông tin về giáo dục trẻ thơ tại địa phương, bao gồm số lượng, hình thức và phương thức chuyển tải thông tin đồng thời tìm hiểu các chương trình giảng dạy của hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo nhà nước.

Cỡ mẫu được xác định theo cách chọn mẫu đến "mức bão hoà" nghĩa là khi các thông tin phỏng vấn đã có chiều hướng lặp lại tức là có sự bão hoà về số liệu thì việc thu thập số liệu dừng lại và cỡ mẫu được xác định ở con số các cuộc phỏng vấn đã được thực hiện.

Để miêu tả và phân tích các kinh nghiệm nuôi dạy trẻ tại địa phương và các niềm tin có liên quan đến các thực hành này trong bối cảnh địa phương, các thông tin nền về văn hoá xã hội và giáo dục tại địa phương cũng được thu thập bằng phương pháp nghiên cứu định lượng.

1.2. Cách chọn mẫu

Chọn địa điểm nghiên cứu: Cách chọn mẫu theo kiểu chùm và phân tầng được áp dụng trong nghiên cứu này.

Ba tỉnh có tính đại diện theo nhóm dân tộc và theo vùng Bắc, Trung, Nam gồm các tỉnh: Hà Giang (thuộc miền núi phía Bắc có dân tộc HMông và Tày chiếm đa số), Quảng Trị (thuộc miền Trung vùng khó khăn có dân tộc Kinh), Trà Vinh (thuộc vùng đồng bằng miền Nam với dân tộc Kinh và Khơ me chiếm đa số) được lựa chọn vào nghiên cứu. Tại các tỉnh, các nhóm dân tộc được lựa chọn là dân tộc HMông và Tày là hai nhóm dân tộc ít người đại diện cho vùng miền núi phía Bắc, nhóm dân tộc Kinh (làm ruộng và làm nghề biển) ở vùng khó khăn miền Trung và nhóm dân tộc Khơ me ở miền Tây Nam bộ.

Lựa chọn đối tượng nghiên cứu: 3 loại đối tượng có liên quan trực tiếp đến chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ thơ tại gia đình và cộng đồng gồm cha/mẹ, ông/bà, anh/chị của trẻ

trong gia đình và các cô nuôi dạy trẻ (công và tư) được lựa chọn là các đối tượng nghiên cứu trong nghiên cứu này.

1.3. Khái niệm công cụ

Bình đẳng giới là sự ngang bằng nhau giữa phụ nữ và nam giới trong địa vị xã hội. Bình đẳng giới không có nghĩa là phụ nữ và nam giới phải như nhau mà có nghĩa là những điểm tương đồng và khác biệt của phụ nữ và nam giới đều được đánh giá ngang nhau.

Bình đẳng giới có nghĩa là phụ nữ và nam giới có được những điều kiện, cơ hội như nhau để thực hiện đầy đủ quyền của họ và để đóng góp, hưởng lợi từ sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của quốc gia.

II. NHẬN THỨC VÀ THỰC HÀNH CỦA NHỮNG NGƯỜI NUÔI DẠY TRẺ ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

2.1. Nhận thức và thực hành của cha mẹ đối với vấn đề bình đẳng giới

2.1.1 Quan điểm và thực hành về việc đối xử giữa con trai và con gái

a. Nhận thức của cha mẹ trong việc đối xử giữa con trai và con gái của cộng đồng

Kết quả chung thăm dò về sự đối xử bình đẳng giữa con trai và con gái trong cả 4 nhóm dân tộc cho thấy chỉ có 38,7% cho là đã có sự bình đẳng. Trong đó, ở nhóm dân tộc Tày và HMông tỷ lệ là 40% và ở nhóm dân tộc Kinh và Khơ me là 38%. Tỷ lệ từ chối trả lời câu hỏi này tập trung khá cao ở người Kinh (38%). Lý do chính mà nhóm nghiên cứu tìm thấy để lý giải tỷ lệ từ chối câu hỏi trả lời của nhóm dân tộc Kinh cao được nhóm nghiên cứu tìm thấy là trong thời gian gần đây, vấn đề bình đẳng giới là một vấn đề rất được quan tâm và được đề cập đến nhiều trên các kênh thông tin đại chúng, với truyền thông. Cũng do điều kiện kinh tế và các

phương tiện truyền thông đại chúng trong các cộng đồng người Kinh phát triển tốt hơn so với ba nhóm dân tộc HMông, Tày và Khơ me nên người Kinh được tiếp cận nhiều với các thông tin và hiểu về vấn đề này nhiều hơn. Tuy nhiên, trên thực tế họ vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi các tư tưởng phong kiến coi trọng nam giới hơn. Do đó, bình đẳng giới có thể trở nên là một vấn đề tế nhị, không dễ trả lời đối với nhóm dân tộc Kinh.

b. Thực hành của cha mẹ về việc đối xử giữa con trai và con gái

Tình trạng phân biệt đối xử giữa con trai và con gái trong gia đình cũng phản ánh bức tranh chung của cộng đồng. Số người cho rằng trong gia đình đã có sự đối xử bình đẳng với con trai và con gái cũng chỉ đạt 46,7%. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc, trong đó cao nhất ở nhóm dân tộc HMông là 64%, dân tộc Khơ me là 56%, dân tộc Tày là 40% và dân tộc Kinh chỉ đạt 32%. Người Tày có tỷ lệ đối xử không bình đẳng với giữa con trai và con gái cao nhất là 52%, tiếp đó, người Khơ me 38%, người HMông là 24%. Tuy ở người Kinh chỉ là 18%, nhưng số người từ chối trả lời câu hỏi cũng khá cao, lên tới 50%. Lý do từ chối trả lời cũng tương tự như trên.

c. Lý do đối xử bình đẳng và bất bình đẳng giữa con trai và con gái

Không có sự khác biệt nhiều giữa các nhóm dân tộc trong việc đưa ra các lý do để giải thích cho việc đối xử bình đẳng hoặc bất bình đẳng với con cái của gia đình và cộng đồng.

Lý do đối xử giữa con trai và con gái như nhau

Các lý do giải thích về sự đối xử bình đẳng giữa con trai và con gái khá đồng nhất ở cả bốn nhóm dân tộc. Hầu hết người được hỏi cho rằng con trai, con gái cũng đều là con của

mình sinh ra, nên con nào cũng phải được thương yêu.

"Con trai, con gái gì cũng là con của mình, mình phải đối xử giống nhau, không nên đối xử khác nhau" (Nam giới, Hà Giang).

Số ít cho là nếu cha mẹ không công bằng, có sự phân biệt trong đối xử với con trai con gái sẽ ảnh hưởng không tốt đến đời sống tình cảm, tinh thần và cả về thể chất của trẻ.

Lý do đối xử khác nhau giữa con trai và con gái

Sự đối xử bất bình đẳng giữa con trai và con gái luôn diễn ra theo hướng có lợi cho con trai như: i) Trẻ em gái nói riêng và phụ nữ nói chung ít được đi học ở những bậc học cao so với trẻ em trai và nam giới; ii) Con gái phải làm công việc nội trợ gia đình nhiều hơn con trai và độ tuổi bắt đầu làm việc nhà của con gái cũng sớm hơn so với con trai; iii) Khi gia đình gặp khó khăn, nếu cần phải có sự lựa chọn, cha mẹ sẽ ưu tiên cho con trai đi học cao hơn.

Có 4 lý do được đưa ra để giải thích cho việc đối xử bất bình đẳng giữa con trai và con gái:

- *Quan niệm về dòng tộc, coi trọng con trai hơn con gái*: Trong cộng đồng vẫn còn có quan điểm cho rằng con gái lớn lấy chồng là xuất giá tòng phu, là người của nhà khác, là con người ta, cha mẹ gả bán một lần là xong, chỉ có con trai mới chính là con của gia đình, có quyền thừa kế trong gia đình, và con trai là người nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên.

"Con gái lớn đi lấy chồng nó là con người ta, con trai sau này nó còn thờ cúng tổ tiên với lại con trai nó mới chăm sóc được mình" (Phụ nữ, Quảng Trị).

- *Quan điểm về vai trò giới*: Con trai giúp đỡ cha mẹ lúc tuổi già nên cha mẹ quan

tâm đầu tư cho con trai nhiều hơn; con trai là trụ cột gia đình, gánh vác trách nhiệm chính trong gia đình nên con trai không làm các công việc “nhẹ” (như không nội trợ gia đình). Con gái đi học không được ích lợi gì, con gái sau này không đi ra ngoài xã hội nhiều nên không cần học nhiều, chỉ cần học đến mức độ nào đấy rồi ở nhà lấy chồng, chỉ có con trai mới cần học cao để hiểu biết thêm về xã hội, mở mang kiến thức.

“Con gái đi học nhiều không tốt, con gái nó hay làm việc trong nhà nhiều hơn nên không cần đi học, cho con trai đi học tốt hơn”(Phụ nữ, Hà Giang).

- *Quan điểm về bản sắc giới*: Một số ý kiến cho rằng trong đối xử thường yêu quý con gái hơn bởi vì tính con gái hiền lành chăm chỉ, dễ thương và hay quấn quýt với cha mẹ, ông bà nên được người lớn yêu thương hơn, còn con trai hay nghịch ngợm, quậy phá nên hay bị nạt nộ.

“Con trai đi ở rể, con gái ở với bố mẹ, con gái lại giặt đồ cho mẹ nên thấy quý con gái hơn”(Phụ nữ, Trà Vinh).

- *Do tác động của dư luận*: Thực tế ở một số cộng đồng vẫn còn tình trạng khi gia đình sinh con một bé, đặc biệt là sinh con một bé là gái thường hay bị người khác coi thường và trêu chọc. Điều này ảnh hưởng tới mong muốn sinh con trai của các bậc cha mẹ và làm tăng thêm sự phân biệt đối xử giữa con trai và con gái của các bậc cha mẹ.

“Nhà em lúc chửa sinh cháu trai này đi đâu cũng bị trêu, đi ăn cỗ mọi người còn bảo là phải ngồi mâm dưới nên em quyết chí sinh cho được con trai” (Nam giới, Hà Giang).

Tuy nhiên, có sự khác biệt trong việc đưa ra các lý do ở giữa các nhóm dân tộc. Hai nhóm dân tộc Tày và Hmông chủ yếu đề cập đến lý do thứ nhất về dòng tộc, coi trọng con

trai hơn con gái với 50% ý kiến, trong khi đó ở nhóm dân tộc Kinh và nhóm dân tộc Khơ me, tỷ lệ đưa ra lý do thứ hai về vai trò giới lại nhiều nhất, chiếm tỷ lệ lần lượt là 36,3% và 28%.

Có thể thấy tư tưởng trọng nam khinh nữ, các quan niệm về dòng tộc, các quan điểm phân biệt giới vẫn còn tồn tại trong nhận thức của cộng đồng nói chung và mỗi người dân nói riêng đã dẫn tới tình trạng vẫn còn có sự phân biệt, đối xử với phụ nữ, trong đó có và trẻ em gái.

2.1.2. Quan niệm của cha mẹ trong việc khuyến khích và cho phép trẻ trai và gái làm các việc giống nhau

Kết quả phỏng vấn các bậc cha mẹ về quan niệm trong việc khuyến khích và cho phép trẻ em trai và gái làm các việc giống nhau cho thấy có 40,7% ý kiến cho rằng nên khuyến khích và cho phép trẻ trai và trẻ gái làm các việc giống nhau trong đó cao nhất ở nhóm dân tộc Kinh (50%), rồi đến dân tộc Hmông (40%) và thấp nhất là hai nhóm dân tộc Tày và Khơ me (36% và 34%).

Các lý do đưa ra quan niệm này chủ yếu là con trai làm được việc gì con gái cũng có thể làm được việc đó, không phân biệt trai, gái. Ngoài ra, còn có một số lý do khác như: các công việc mà trẻ làm chưa cần phân biệt giữa trai và gái, trẻ nào làm cũng được; thời hiện đại không có việc dành riêng cho con trai hay con gái; để cho con cái khỏi bị ghen tương.

Có 47% ý kiến cho rằng không nên khuyến khích và cho phép trẻ làm việc giống nhau trong đó cao nhất là nhóm dân tộc Khơ me và Hmông (64% & 60%), tiếp theo là nhóm dân tộc Tày và nhóm dân tộc Kinh (48% & 40%).

Các lý do đưa ra chủ yếu xuất phát từ định kiến giới và do tư tưởng trọng nam

khinh nữ như: Con trai giỏi hơn con gái, con trai khoẻ mạnh hơn con gái, con gái làm được việc nhà, con trai không làm được việc nhà, con trai làm việc nặng, con gái làm việc nhẹ, tính con gái chăm làm, kiên trì, cẩn thận; con trai đi học để mở mang kiến thức, con gái đi học không được ích lợi gì, con trai mới là người được bày đồ để thờ cúng tổ tiên, con gái không được làm việc này...

"Con gái thì mình nên tập cho nó những cái theo phái nữ như trước mắt tự tắm rửa, tự làm vệ sinh bản thân, tự giặt quần áo với giúp cha mẹ nấu ăn hoặc giữ em. Con trai tập những việc mà bên nam giới hay làm như đi học về giúp cha mẹ chặt cỏ, chôn trâu, cho trâu ăn lúc rảnh"(Nam giới, Quảng Trị).

2.1.3 Quan niệm của cha mẹ về những điều trẻ em trai và trẻ em gái không nên làm

Những việc mà các bậc cha mẹ cho rằng trẻ trai và trẻ gái cùng không nên làm bao gồm:

Những việc điều trẻ trai và trẻ gái cùng không nên làm có liên quan đến sức khỏe, sự an toàn của trẻ hoặc có liên quan đến các chuẩn mực đạo đức chung như: Không làm công việc nặng; không chơi các trò chơi nguy hiểm, không đánh chửi nhau, không nói tục chửi bậy, không cãi lại bố mẹ. Những điều này được mong muốn với cả trẻ trai và trẻ gái, tuy nhiên có sự khác biệt về tỷ lệ ý kiến khi nói về trẻ trai và trẻ gái. Ý kiến cho rằng không nên chơi các trò chơi nguy hiểm với trẻ trai là 51,3% và với trẻ em gái 36,7%. Lý do là trẻ trai thích mạo hiểm hơn nên cần nhắc nhở nhiều. Trong khi đó 44% cho là trẻ gái không nên "đánh đá, chua ngoa, gây lộn với người khác" và 35,3% đưa ra ý kiến này đối với trẻ em trai. Theo quan niệm của các bậc cha mẹ, bản tính của con gái là phải dịu dàng, vì vậy cần lưu ý hơn.

Những điều cả trẻ trai và gái cùng không nên làm nhưng có sự khác biệt trong lý do: Không đi chơi đêm, không la cà đàn dúm, ngủ đêm ở nhà bạn. Ở trẻ trai, các bậc cha mẹ cho rằng cần phải ngăn cấm điều này vì sợ rằng nếu đi chơi nhiều, có thể sẽ dễ bị mắc vào các tệ nạn xã hội còn với trẻ em gái thì lý do chủ yếu là sợ con gái hư hỏng, "khôn ba năm đại một giờ" làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của gia đình.

Ngoài ra, có những điều trẻ trai và gái không nên làm có tính đặc trưng theo giới như: Trẻ trai không nên chơi với con gái, không làm những việc của con gái, không nấu cơm, bế em còn trẻ em gái không chơi trò chơi của con trai, không đua đòi ăn mặc, không bày cơm cúng tổ tiên.

"Con trai và con gái không nên cho lẫn giống nhau, con trai nó có sức nó hẳn được mấy việc nặng, con gái yếu hơn thì chỉ cho lẫn mấy việc trong nhà thôi"(Phụ nữ, Trà Vinh).

Như vậy ngay từ khi còn rất nhỏ, trẻ em đã được gia đình giáo dục theo hướng phân biệt rõ vai trò, bản sắc của mỗi giới, dựa trên hệ thống những điều mà trẻ trai và trẻ gái không nên làm. Sự giáo dục của cha mẹ, gia đình từ lứa tuổi thơ ấu có ảnh hưởng rất lớn tới việc hình thành nên những định kiến giới của trẻ sau này.

2.2. Nhận thức và thực hành của cô nuôi dạy trẻ đối với vấn đề bình đẳng giới

2.2.1 Quan điểm trong đối xử giữa con trai và con gái

** Nhận thức và thực hành của cô nuôi dạy trẻ trong đối xử giữa con trai và con gái*

73,3% cô nuôi dạy trẻ cho rằng hiện nay trong cộng đồng vẫn còn có sự phân biệt đối xử khác nhau giữa con trai và con gái. Chỉ có 20% cô cho rằng trong cộng đồng đối xử giữa con trai và con gái như nhau, không có sự phân biệt.

Trên thực tế, có 73,3% cô nuôi dạy trẻ cho rằng trong gia đình mình không có sự phân biệt đối xử giữa con trai và con gái, chỉ có 13,3% cô cho rằng trong đối xử giữa con trai và con gái gia đình mình còn có sự phân biệt.

* Lý do đối xử như nhau và khác nhau giữa con trai và con gái

- Lý do đối xử giữa con trai và con gái như nhau

Lý do đưa ra để giải thích cho việc đối xử bình đẳng trong cộng đồng là: Hiện nay sự tuyên truyền của các kênh thông tin đại chúng như sách báo về vấn đề này khá thường xuyên nên phần nào người dân đã có sự thay đổi nhận thức và thực hành trong cách đối xử với con cái.

"Bây giờ đài báo nói cũng nhiều nên người ta biết nhiều rồi, không như trước nữa. Trước cha mẹ còn phân biệt con nọ, con kia chứ bây giờ em thấy ở đây người ta cũng đỡ hơn rồi" (Cô giáo, Quảng Trị).

Một số lý do chính được các cô nuôi dạy trẻ đưa ra để giải thích việc tại sao trong gia đình lại đối xử như nhau giữa con trai và con gái trong gia đình là: Nếu phân biệt đối xử với con cái, chúng sẽ buồn, không vui; con trai và con gái cần được bình đẳng với nhau; con trai, con gái đều là con mình nên cần thương chúng như nhau.

- Lý do đối xử khác nhau giữa con trai và con gái

Các lý do chính nhóm cô nuôi dạy trẻ đưa ra để giải thích lý do trong tại sao cộng đồng lại có sự phân biệt trong đối xử giữa con trai và con gái bao gồm:

+ Con gái không giúp gia đình được nhiều.

+ Con trai thờ cúng cha mẹ tổ tiên.

+ Trong cộng đồng vẫn còn quan niệm trọng nam khinh nữ

Lý do đưa ra để giải thích cho sự phân biệt đối xử giữa con trai và con gái là: cha mẹ thích con trai vì con trai nối dõi, ưu tiên cho con trai vì con trai lớn lên bảo vệ tổ quốc...

2.2.2. Quan điểm trong việc khuyến khích và cho phép trẻ làm các việc giống hoặc khác nhau

Có 53,3% cô nuôi dạy trẻ không cho phép trẻ làm các việc giống nhau. Các lý do được đưa ra giải thích đều dựa trên cơ sở các quan điểm về bản sắc giới. Các cô quan niệm rằng con trai và con gái làm việc không giống nhau vì con gái yếu hơn con trai, tính con gái cẩn thận, chăm chỉ nên phù hợp với công việc nội trợ hơn; con trai phù hợp với công việc nặng nhọc và ngay chính các trò chơi của con trai cũng mạnh mẽ hơn con gái. "Các cháu trai khoẻ mạnh hơn thì nó chơi những trò của con trai như đá bóng, đuổi bắt, còn con gái thì nó chỉ đi quanh quanh ở sân hay là chơi đồ hàng, chơi hái bóng thôi" (Cô giáo, Trà Vinh).

Có một số ý kiến khác cho rằng khi phân công công việc cho trẻ, người lớn cần phải tùy thuộc vào tính chất của từng công việc để có thể phân công cho trẻ trai và trẻ gái làm giống nhau hoặc khác nhau.

2.2.3 Quan điểm về các điều trẻ trai và trẻ gái không nên làm

Tất cả những điều trẻ trai không nên làm đều được các cô nuôi dạy trẻ đưa ra cho trẻ gái, tuy có sự khác biệt về tỷ lệ, ví dụ như:

- Không chơi các trò chơi nguy hiểm (trèo cây, chơi quay, chơi khăng, chơi dao, kiếm, bắn đạn dàn thun...): Có 73,3% ý kiến cho rằng trẻ trai không nên chơi các trò chơi nguy hiểm nhưng chỉ có 53,3% cô nuôi dạy trẻ đưa ra ý kiến này với trẻ gái.

- Không rượu chè, cờ bạc, hút thuốc: 60% cô nuôi dạy trẻ cho rằng trẻ trai không nên rượu chè, cờ bạc, hút thuốc, trong khi đó

chỉ có 6,7% cô nuôi dạy trẻ đưa ra ý kiến này với trẻ gái.

- Không nói tục, chửi bậy, không đánh nhau, không ngỗ lễ mách lẻo: Có 53,3% cô nuôi dạy trẻ cho rằng trẻ trai không nên làm điều này, trong khi đó tỷ lệ trẻ gái không nên làm là 90%.

- Không chơi với người xấu: Có 20% cô nuôi dạy trẻ đưa ra lựa chọn này trong số những điều trẻ trai không nên làm và 6,7% cô nuôi dạy trẻ đưa ra lựa chọn này trong số những điều trẻ gái không nên làm.

- Không mặc đồ hoặc không chơi những trò chơi không phù hợp với giới tính: Ý kiến này hầu như chỉ có ở nhóm cô nuôi dạy trẻ ở Trà Vinh.

Ngoài ra, các cô giáo còn đưa ra một số điều không nên làm dành riêng cho trẻ em gái như: Không đi chơi, đi chơi đêm, không ăn mặc đua đòi, không đá bóng, không xem phim ảnh.

Nhìn chung, các quan niệm giới trong nhóm cô nuôi dạy trẻ có tiến bộ hơn so với nhóm cha mẹ, xong vẫn còn những biểu hiện các tư tưởng phân biệt giới vẫn còn tồn tại. Với vai trò chăm sóc, giáo dục trẻ trong thời gian ở trường, các quan điểm này của nhóm cô giáo có ảnh hưởng rất lớn tới việc hình thành các định kiến về giới ở trẻ. Đồng thời, từ những nhận thức, quan niệm sai lệch đó cũng có thể dẫn đến sự hạn chế trong phương pháp giáo dục của các cô dành cho trẻ.

2.3. Nhận thức và thực hành của trẻ lớn về vấn đề bình đẳng giới

2.3.1 Nhận thức và thực hành của trẻ lớn về bình đẳng giới trong gia đình

Trên 90% trẻ lớn cho rằng trong gia đình mình con trai và con gái được đối xử như nhau, trong đó tỷ lệ cao nhất thuộc về nhóm dân tộc Khơ me (96,7%), sau đó đến nhóm dân tộc H'Mông (95%), nhóm dân tộc

Kinh đạt 90%, và nhóm dân tộc Tày thấp nhất trong 4 nhóm, đạt 85%.

Các dấu hiệu chính giúp trẻ lớn biết được rằng người lớn đối xử với con trai và con gái như nhau là khi có quà bố mẹ chia đều cho các con; khi mua đồ chơi, mua quần áo bố mẹ công bằng đối với các con; khi con cái mắc lỗi, bố mẹ phạt như nhau; khi trẻ bị ốm bố mẹ chăm sóc con trai, con gái như nhau; dạy dỗ con trai và con gái giống nhau; cho con trai và con gái được đi học giống nhau; cho con, cái ăn uống như nhau; cho phép con trai và con gái được đi chơi như nhau.

Đa số các em cũng cho rằng mình yêu thương hay thích cả em trai và em gái như nhau. Tỷ lệ này cao nhất ở nhóm dân tộc Kinh (76,7%), sau đó đến nhóm dân tộc H'Mông (70%), nhóm dân tộc Khơ me đạt 63,3% và nhóm dân tộc Tày thấp nhất, chỉ đạt 40%. Lý do giải thích tại sao lại thích em trai và em gái như nhau được đưa ra khá thống nhất đối với cả bốn nhóm dân tộc và bao gồm một số lý do như: Em nào cũng là em của mình; em nào cũng đều do bố mẹ mình sinh ra nên các em cảm thấy gần gũi, gần gũi với các em như nhau; em trai và em gái đều biết chơi, múa hát như nhau; em trai và em gái đều ngoan và dễ thương; trong gia đình phải có cả em trai và em gái mới vui; em trai và em gái đều có thể giúp đỡ được mình; các em đều cần sự yêu thương; yêu cả hai em để cha mẹ vui lòng.

"Mình có em trai, có em gái thì mình phải yêu thương cả 2 em, chăm sóc cả 2 em như nhau thì bố mẹ mới vui lòng, mới yên tâm để cho mình trông nom các em bé được" (Em trai, Quảng Trị).

Đặc biệt, có một lý do mặc dù được ít trẻ đề cập đến nhưng cũng rất cần phải được các bậc cha mẹ quan tâm, đó là lý do: *"Vì được bố mẹ đối xử như nhau nên em thấy quý em trai, em gái như nhau"*. Qua đây, có thể

thấy việc bố mẹ đối xử bình đẳng giữa con trai và con gái không chỉ giúp cho chính sự phát triển về tinh thần, thể chất của trẻ mà còn giúp xây dựng những mối quan hệ tình cảm trong gia đình, giúp cho trẻ cảm thấy gần bố, gần gũi, yêu thương đối với các anh, chị, em của mình.

Có 33,3% ý kiến của nhóm trẻ lớn dân tộc Khơme, 20% của nhóm dân tộc Tày, 15% của nhóm dân tộc H'Mông và 6,6% của nhóm dân tộc Kinh cho rằng mình thích em trai hơn em gái, vì các em trai hiếu động, có thể tham gia nhiều trò chơi cùng với mình. Trên 40% trẻ lớn nhóm dân tộc Tày, 22,9% nhóm dân tộc Kinh, 15%, nhóm dân tộc H'Mông và 0% nhóm dân tộc Khơme cho rằng mình quý em gái hơn vì tính em gái hiền lành ngoan ngoãn và các em chăm làm việc nhà hơn so với em trai.

2.3.2 Nhận thức của trẻ về những điều con trai, con gái không nên làm

Giống như ý kiến của nhóm cha mẹ và nhóm giáo viên, trẻ em cũng liệt kê những điều trẻ gái không nên làm nhiều hơn so với trẻ trai và . Một số em cũng đã có quan niệm con trai và con gái phải chơi những trò chơi phù hợp với giới tính của mình hoặc không nên chơi với nhau.

Những điều cả trẻ trai và trẻ gái không nên làm: Không đánh chửi nhau, không nói tục chửi bậy, không làm điều ác, điều xấu, không nên trèo cây, không nên hút thuốc, uống rượu, không nên bắt nạt trêu bạn khác giới, không nên chơi cùng, chơi trò chơi của bạn khác giới, không đi chơi tối, chơi xa. Những quy định này được các em đưa ra với cả trẻ trai và trẻ gái, tuy nhiên cũng có sự khác biệt trong số lượng các ý kiến quy định giữa trẻ trai và trẻ gái và có sự khác biệt giữa ý kiến của các nhóm dân tộc.

Những điều chỉ có trẻ trai không nên làm: Có 10% ý kiến của nhóm trẻ lớn dân tộc

Kinh cho rằng trẻ em trai không nên trọng nam khinh nữ và 3,3% ý kiến của nhóm trẻ lớn dân tộc Khơme cho rằng trẻ em trai không nên làm công việc nhà.

Những điều trẻ gái không nên làm: Các em đưa ra một số điều trẻ em gái không nên làm thể hiện rất rõ là xuất phát từ định kiến giới của người lớn như: Không yêu sớm, không làm mai dâm, không làm những việc của con trai. Các ý kiến này phần lớn đều tập trung vào sự lựa chọn của nhóm trẻ lớn dân tộc Tày.

Mặc dù còn rất nhỏ nhưng trong quan điểm niệm của các em đã tồn tại và xuất hiện thể hiện sự phân biệt giới, đây là một nguy cơ dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới ở các thế hệ tương lai. Những quan điểm này rất có thể là do các em chịu ảnh hưởng một phần từ quan niệm của cha mẹ, các thành viên trong gia đình và các thầy cô giáo.

Kết luận

Trên thực tế, những quan niệm về bất bình đẳng giới còn tồn tại khá nặng nề ở những người nuôi dạy trẻ (cả cha mẹ, ông bà, cô giáo và anh chị trong gia đình). Những quan niệm này được thể hiện cụ thể thông qua các hành vi chăm sóc và giáo dục trong quá trình nuôi dạy trẻ như: Phân công lao động gia đình, quan niệm về những việc trẻ trai hoặc trẻ gái nên hoặc không nên làm, định hướng và cho phép hoặc không cho phép trẻ được làm hoặc chơi theo giới. Nguyên nhân của những quan niệm này xuất phát từ một số nguyên nhân như: Quan niệm về dòng tộc, quan niệm về vai trò và bản sắc giới, tác động của dư luận xã hội.

Tuy nhiên, hầu hết những người tham gia nuôi dạy trẻ đều chưa nhận thức được chính những quan niệm và thực hành mang tính phân biệt giới của họ đều có thể ảnh hưởng tới đời sống tình cảm, tinh thần, sự phát triển thể chất và tâm lý của trẻ và là cơ sở góp phần tạo nên những định kiến giới trong các thế hệ tương lai. ■

